TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **50**/2020/DS-ST
Ngày 28 tháng 7 năm 2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xươnne
2. Bà Lê Thị Diễm Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách *tham gia phiên tòa:* Ông Dương Thanh Hậu, Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thụ lý số 102/2020/TLST-DS, ngày 13/5/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 157/2020/QĐXXST-DS, ngày 06/7/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Huỳnh Văn N; địa chỉ: XX, ấp P, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

2. Bị đơn:
- Lê Văn P
- Phạm Thị Pha M

Cùng địa chỉ: YY, ấp P, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị Ngọc T; địa chỉ: XX, ấp P, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 13/5/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là ông Huỳnh Văn N trình bày: Vào ngày 09/8/2019 ông có cho vợ chồng ông Lê Văn P, bà Phạm Thị Pha M mượn số tiền 24.500.000 đồng; đến chiều cùng ngày ông N đem cầm tấm lắc vàng được 10.000.000 đồng và cho vợ chồng ông P, bà M mượn thêm 7.000.000 đồng, tổng cộng vợ chồng ông P, bà M đã mượn của ông N số tiền 31.500.000 đồng, có làm giấy tay do ông P và bà M cùng ký tên. Lúc cho mượn ông P, bà M có hứa vài ngày sẽ trả đủ, nhưng đến nay chưa trả; ông N đã phải đóng lãi 2.500.000 đồng để chuộc lại vàng. Ông N có yêu cầu Tổ hòa giải ấp P giải quyết, vợ chồng ông P, bà M thừa nhận

nợ và thỏa thuận được thời gian trả nợ, nhưng đến nay không thực hiện. Nay ông N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Lê Văn P, bà Phạm Thị Pha M trả số tiền 34.000.000 đồng (bao gồm tiền cho mượn là 31.500.000 đồng và tiền lãi ông N đã đóng để chuộc vàng là 2.500.000 đồng).

Bị đơn Lê Văn P trình bày: Vào tháng 8/2019 vợ chồng ông có vay của vợ chồng ông Huỳnh Văn N, bà Nguyễn Thị Ngọc T số tiền 13.500.000 đồng lãi thỏa thuận 30%/tháng, khi vay có làm biên nhận cho bên ông N giữ, số tiền này đến nay chưa trả vốn và lãi; đồng thời ông P xác nhận còn nợ của vợ chồng ông N khoản tiền vay trước đó là 9.000.000 đồng (gồm tiền vốn 5.000.000 đồng và tiền lãi 4.000.000 đồng); đối với số tiền ông N cầm vàng cho vợ chồng ông vay là 7.000.000 và tiền lãi được tính bằng 2.500.000 đồng (tổng cộng là 9.500.000 đồng) đến nay vợ chồng ông cũng chưa trả. Ngoài ra, trước đây khi cháu Lê Thị Ngọc M1 (con ông P) đi nước ngoài có nói sẽ cho bà T 2.000.000 đồng nhưng không thực hiện. Ông P thừa nhận vợ chồng ông còn nợ của ông N 03 khoản tiền 13.500.000 đồng, 9.000.000 đồng và 9.500.000 đồng, tổng cộng là 32.000.000 đồng; ông P xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, cho đến khi hết số tiền còn nợ là 32.000.000 đồng. Riêng đối với số tiền 2.000.000 đồng mà cháu M1 hứa cho bà T thì ông P không thừa nhận là nợ.

Bị đơn Phạm Thị Pha M trình bày: Bà M là vợ của ông P, bà thống nhất với tất cả phần trình bày và yêu cầu của ông P, không có ý kiến khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Ngọc T trình bày: Bà T là vợ của ông N, bà thống nhất với tất cả phần trình bày và yêu cầu của ông N, không có ý kiến khác. Đối với giấy tay lập ngày 01/3/2020 mà ông P nộp cho Tòa án, có nội dung ông P trả số tiền 7.000.000 đồng, bà T là người ký nhận tiền, thì bà T cho biết số tiền này ông P trả cho con bà là Huỳnh Ngọc H, bà T là người nhận thay, không liên quan đến khoản tiền mà ông N khởi kiện trong vụ án này. Nội dung này cũng đã được làm rõ ở phiên hòa giải tại Tòa án ngày 22/6/2020.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền 34.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Huỳnh Văn N yêu cầu bị đơn là vợ chồng ông Lê Văn P, bà Phạm Thị Pha M trả số tiền 34.000.000 đồng, bao gồm tiền cho mượn 31.500.000 đồng và tiền lãi là 2.500.000 đồng. Số tiền cho mượn 31.500.000 đồng có làm giấy tay do ông P tự viết; ông P cũng thừa nhận mình có viết và ký vào giấy nợ; đối với tiền lãi 2.500.000 đồng mà ông N cho rằng số tiền này ông đã bỏ ra để chuộc lại số vàng ở tiệm cầm đồ khi cầm lắc vàng lấy tiền cho vợ chồng ông P mượn, đã được ông P thừa nhận và đồng ý sẽ thanh toán lại cho ông N; bà M cũng thống nhất với ý kiến của ông P. Ông N, ông P, bà M đều là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

[2] Đối với chứng cứ là giấy tay lập ngày 09/8/2019 trong đó có ghi *"... số tiền tổng cộng là 31.500.000 đồng ..."* mà ông N cung cấp cho Tòa án, được ông P thừa nhận đây là chữ viết của mình, nên không cần thiết phải giám định chứng minh.

[3] Đối với ý kiến trình bày của ông P và bà M, cho rằng vợ chồng ông bà chỉ còn nợ ông N 32.000.000 đồng (bao gồm tiền vay 13.500.000 đồng, nợ cũ 9.000.000 đồng, vay bằng tiền cầm vàng 7.000.000 đồng và lãi 2.500.000 đồng), chứ không phải nợ đến số tiền 34.000.000 đồng như ông N khởi kiện; ngoài ra ông P cho biết ông không thừa nhận khoản tiền 2.000.000 đồng mà cháu M1 (con ông P) hứa cho bà T (vợ ông N) là khoản nợ của vợ chồng ông với ông N. Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù ông P, bà M nêu lên nhiều khoản nợ khác nhau để thừa nhận các khoản còn nợ ông N lên đến 32.000.000 đồng, nhưng so với yêu cầu khởi kiện của ông N đòi số tiền 34.000.000 đồng cùng với chứng cứ phân tích trên, thấy rằng việc ông P, bà M chấp nhận còn nợ khoản tiền lãi mà ông N đã trả ở tiệm cầm đồ 2.500.000 đồng, kết hợp sự thừa nhận giấy tay lập ngày 09/8/2019 nêu trên có số tiền 31.500.000 đồng do chính ông P viết, tổng cộng là 34.000.000 đồng. Ở đây không đề cập đến 2.000.000 đồng mà con của ông P hứa cho vợ chồng ông N. Mặt khác, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, ông N trước khi khởi kiện có yêu cầu Tổ hòa giải cơ sở tiến hành hòa giải và ghi nhận kết quả hòa giải thành vào ngày 12/3/2020. Qua xem xét biên bản hòa giải cơ sở cho thấy có nội dung ông N đòi tổng số tiền 41.000.000 đồng, được ông P, bà M thừa nhận và hẹn thời gian trả, cụ thể sẽ trả trước 7.000.000 đồng vào ngày 30/02/2020 âm lịch, còn lại 34.000.000 đồng sẽ trả dần mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi hết số tiền này. Nhưng các bên đã thực hiện được việc trả số tiền 7.000.000 đồng xong (có biên nhận do ông P cung cấp, bà T là người nhận tiền và đã được làm rõ ở phiên hòa giải tại Tòa án ngày 20/6/2020 xác định không nằm trong số tiền 34.000.000 đồng mà ông N khởi kiện trong vụ án), ngoài ra phía ông P, bà M không có cung cấp chứng cứ nào khác về việc thanh toán số tiền còn lại 34.000.000 đồng. Như vậy đã có đủ căn cứ xác định ông P, bà M còn nợ ông N hai khoản với tổng số tiền là 34.000.000 đồng (bao gồm tiền mượn 31.500.000 đồng và tiền lãi đã trả cho tiệm cầm đồ 2.500.000 đồng); yêu cầu khởi kiện của ông N được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280, 288, 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc ông Lê Văn P và bà Phạm Thị Pha M có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Huỳnh Văn N số tiền 34.000.000đ *(Ba mươi bốn triệu đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Ông Lê Văn P và bà Phạm Thị Pha M phải liên đới chịu 1.700.000đ *(Một triệu bảy trăm nghìn đồng)*.

- Ông Huỳnh Văn N không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí ông N đã nộp 850.000 đồng theo Biên lai số 0004106 ngày 13/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (để BC);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Diệu